

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN UYÊN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST*

*Ngày 13/6/2018*

*“V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Hiến.**

2. Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Phương-** Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa:*

**Ông Nguyễn Kiến Thắng-** Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H-** sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Xuân T-** sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Xuân T qua tìm hiểu và chung sống với nhau từ ngày 16/12/1992 nhưng không đăng ký kết hôn, việc không đi đăng ký kết hôn cũng không được chính quyền địa phương nhắc nhở hay giải thích gì. Trong thời gian đầu chung sống hai bên cũng có hạnh phúc, đến khi anh T nghiện ma túy rồi xảy ra mâu thuẫn gia đình. Cuộc sống vợ chồng dẫn đến không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Đến năm 2014 anh T về nhà chị gái tại khu 21, thị trấn T, huyện Tân Uyên làm ăn và sinh sống ở đây đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: Cháu thứ nhất tên là Đặng Thị Thu H- sinh ngày 09/3/1996 đã lập gia đình, cháu thứ 2 tên là Đặng Văn

C- sinh ngày 16/5/2007. Nguyên vọng của tôi là nhận nuôi cháu C và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về phân tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên Tòa anh Đặng Xuân T trình bày: Quá trình chung sống và con chung như chị Bùi Thị H khai là hoàn toàn đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn theo tôi không có gì nghiêm trọng, chúng tôi hiện nay đã ly thân từ năm 2014 lý do vợ tôi đi làm ăn bên Trung Quốc, tôi ở nhà ốm nặng nên chị gái tôi có đón tôi lên Khu 21, thị trấn T để ở và điều trị bệnh. Nay chúng tôi không còn tình cảm và vợ tôi nhất quyết xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi cũng có 2 cháu, cháu lớn tên Đặng Thị Thu H- sinh ngày 09/3/1996 đã xây dựng gia đình. Cháu thứ hai tên Đặng Văn C- sinh ngày 16/5/2007. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2018 tôi nhận nuôi cháu C và không yêu cầu cấp dưỡng. Nhưng tại phiên Tòa hôm nay tôi nghĩ lại hiện cháu C đang ở với mẹ cháu và đi học ở xã P nên tôi đồng ý để cho mẹ cháu nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2018 tôi có yêu cầu chia ngôi nhà cấp 4 tại bản H, xã P, huyện Tân Uyên có giá trị khoảng 300.000.000đ, đến khi hòa giải Tôi chỉ yêu cầu vợ tôi phải trả 90.000.000đ cho tôi. Ngày 20/4/2018 Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên có yêu cầu tôi nộp án phí về việc chia tài sản, nhưng tôi không nộp vì tôi không yêu cầu nữa (đã có lời khai ngày 27/4/2018). Tại phiên Tòa hôm nay tôi nhất trí về con chung giao cho mẹ cháu nuôi dưỡng, về tài sản chung tôi không yêu cầu giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã đảm bảo theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự, việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 28 và Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tổng đạt các quyết định cho các đương sự đã đảm bảo theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Đặng Xuân T, chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên về con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật và xác định tư cách đương sự là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 28 và điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự.

\* Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị H và anh Đặng Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Chị H và anh T sống chung với nhau được vài năm thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trường nghiện ma túy nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, cả hai không được chính quyền địa phương nhắc nhở về việc đi đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng nên

đã sống ly thân từ năm 2014. Đến nay cả hai đều không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 4 năm 2018 chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu nuôi cháu Đặng Văn C không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh Đặng Xuân T nhất trí ly hôn nhưng nhận nuôi cháu Đặng Văn C và yêu cầu chị H phải trả cho anh 90.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2018 anh Đặng Xuân T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nữa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn thống nhất ly hôn và bị đơn nhất trí giao cháu Đặng Văn C- sinh ngày 16/5/2007 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Đặng Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung. Cả hai không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị Bùi Thị H và anh Đặng Xuân T là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX cần chấp nhận quan điểm của các đương sự về phần nuôi dưỡng con chung như đã nêu trên.

Về tài sản và nợ chung: Cả hai không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí DSST theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Tuyên xử:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và Đặng Xuân T.

- **Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bùi Thị H và Đặng Xuân T như sau: Chị Bùi Thị H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Văn C, sinh ngày 16/5/2007 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi, anh Đặng Xuân T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đặng Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Cả hai không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002587 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu, chị Bùi Thị H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu (01 bản);
- VKSND huyện (02 bản);
- Chi cục THA Dân sự huyện (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Văn Bình**